TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:122/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 06/12/2022.
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thùy Linh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hoà
Ông Phạm Thành Đô

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát: không tham gia phiên toà.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 179/HNGĐ-ST, ngày 03 tháng 10 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 251/2022/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Doanh Thị B; sinh năm 1979 (có mặt)

Bị đơn: anh Lưu Hoàng D; sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: thôn 5, xã H, huyện Đ, tỉnh P.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và quá trình thụ lý vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Doanh Thị B trình bày:

Chị Doanh Thị B và anh Lưu Hoàng D tự nguyện chung sống từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn; chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về lối sống, tình tình; từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, do không thể tiếp tục chung sống nên chị B và anh D sống ly thân. Hiện nay chị B thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công bố không công nhận quan hệ giữa chị B và anh D là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Lưu Thị Hải V, sinh năm 1999; cháu Lưu Thị N, sinh năm 2001. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi D.

Về tài sản: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: không có.

Bị đơn anh Lưu Hoàng D: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã nhận các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh D không hợp tác làm việc, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Các tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Doanh Thị B và anh Lưu Hoàng D tự nguyện chung sống từ năm 1998 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ giữa chị B và anh D không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Trong thời gian chung sống do xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân kéo dài; hiện nay chị B thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh D nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh D. Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; cần chấp nhận yêu cầu của chị B, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Doanh Thị B và anh Lưu Hoàng D là vợ chồng.

[2] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh do nguyên đơn cung cấp, xác định được anh D, chị B có 02 con chung là cháu Lưu Thị Hải V, sinh năm 1999; cháu Lưu Thị N, sinh năm 2001. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi D.

[3] Về tài sản: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có đơn yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ: nguyên đơn cho rằng không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Doanh Thị B. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Doanh Thị B và anh Lưu Hoàng D là vợ chồng.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lưu Thị Hải V, sinh năm 1999; cháu Lưu Thị N, sinh năm 2001. Hiện nay các cháu đều đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi D.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: không có.

[5] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị B phải nộp 300.000đ án phí HNGĐ – ST; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000627, ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thùy Linh